

Bản án số: 56/2022/HS-PT

Ngày: 14-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Quang Ninh

- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Nguyễn Văn Thư

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:**
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/HSPT ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D

Do có kháng cáo của bị cáo Bùi Đình C và bị hại Nguyễn Thị Ngọc S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo bị kháng cáo và có kháng cáo:

1. Bùi Thị M (tên gọi khác: Bà Ba), sinh năm: 1957, tại Quảng Nam;

HKTT: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi D và bà Phạm Thị K; có chồng tên Bùi Đình N; có năm người con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: (không); Nhân thân: (không); Ngày 06/8/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Đình C, sinh năm: 1991, tại Quảng Nam;

HKTT: Tổ 4, khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: bảo vệ; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình N và bà Bùi

Thị M; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ng và một con sinh năm 2020; có ba chị gái và một em trai; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Ngày 06/8/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa

3. Bùi Thị D, sinh năm: 1987, tại Quảng Nam;

HKTT: Tổ 3, khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình N và bà Bùi Thị M; có chồng tên Nguyễn Chánh O; có hai người con sinh năm 2010 và 2013; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Ngày 06/8/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:*

Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm: 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Ông **Bùi Quốc Tuấn**, sinh năm: 1971 và ông **Phạm Tấn Thuận**, sinh năm: 1974 – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Quốc Tuấn - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Đăng T**, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Chị **Vũ Thị V**, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

3. Anh **Hoàng Bảo N**, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

4. Anh **Bùi Tấn Th**, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5. Chị **Phạm Thị Tr**, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

6. Chị **Trần Thị P**, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Anh **Nguyễn Chánh O**, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

8. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị M làm chủ hụi cho một số thành viên khu vực Bến xe P. Từ năm 2018, bị hại Nguyễn Thị Ngọc S có tham gia vào các dây hụi do bị cáo M làm chủ. Trong quá trình chơi hụi giữa bị cáo M và bà S phát sinh mâu thuẫn. Vào khoảng 16 giờ ngày 09/02/2020, bị cáo M cùng hai người con ruột là bị cáo Bùi Đình C, Bùi Thị D đang chuẩn bị quán nước tại khu vực công viên (đối diện bến xe) để bán thì nghe nói bà S cùng con trai là Nguyễn Hoàng L đang trong bến xe nên bị cáo M mới nói cho D, C để vào đòi tiền nợ hụi. Khi bị cáo M, D đi vào khu vực bến xe Thành Công P thì nhìn thấy bị hại S cùng con trai tên Nguyễn Hoàng L đang ngồi uống nước cùng với Vũ Thị V, Trầm Thị P. Tại đây giữa bà M và bà S đã có lời qua tiếng lại chửi bới nhau, M yêu cầu bà S phải trả tiền đóng hụi cho mình nhưng bà S trả lời “tôi với bà không có hụi gì hết”. Lúc này C nghe M đang chuẩn bị đánh nhau với bà S nên chạy vào. Bà M dùng tay đánh một cái hương vào mặt của bà S nhưng bà S đỡ được. Thấy vậy bà V và bà P vào can ngăn. Sau đó, bà M tiếp tục dùng tay đánh vào đầu, vào mặt bà S. Ngay lúc này, bị cáo D, C thấy mẹ mình xô xát với bà S thì D cầm một cái ghế nhựa màu đỏ, chiều cao 85cm, trong đó chân ghế cao 43cm giơ lên đánh bà S nhưng không trúng, C cầm một cái ghế tựa, có khung bằng kim loại màu trắng, nệm ngồi da màu xanh, chiều cao 83cm, trong đó chân ghế cao 43cm xông vào đánh vào người của bà S. Thấy mẹ mình bị đánh nên Nguyễn Hoàng L liền chạy lại can ngăn thì bị D, C dùng tay đánh vào đầu. Sự việc xảy ra trong khu vực bến xe nên được Nguyễn Đăng T cùng một số nhân viên của bến xe chạy đến can ngăn, các bị cáo M, D, C bỏ đi. Sau khi bị đánh, bà S và L được đưa đến Trung tâm y tế thị xã P và được chuyển đến Bệnh viện H, tỉnh Bình Phước để điều trị thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 171/2020/TGT ngày 29/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước về thương tích của bà Nguyễn Thị Ngọc S kết luận:

- Gãy răng 1.3 chưa lắp răng giả.
- Vết trầy sạm da sau – dưới – ngoài vai phải kích thước 08 x 0,5cm mềm phẳng.

Các tổn thương trên có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng tác động gây ra.

- Vùng đỉnh đầu + bờ ngoài mắt trái + vùng mũi không còn dấu vết tổn thương. Không xác định do vật gì gây ra.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (ba phần trăm).

Ngày 25/11/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước có công văn số 116/GDPY giải thích thêm về kết quả giám định thương tích bà Nguyễn Thị Ngọc S như sau:

- Tách % thương tích:
- + Gãy răng 1.3 chưa lắp răng giả: 02%
- + Vết trầy sạm da sau – dưới – ngoài vai phải kích thước 08 x 0,5cm mềm phẳng: 1%
- + Vùng đỉnh đầu – bờ mắt trái – vùng mũi không còn dấu vết tổn thương: 00 %

Căn cứ kết luận Nguyễn Thị Ngọc S bị gãy răng 1.3

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 281/2020/TGT ngày 08/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước về thương tích của Nguyễn Hoàng Long, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

Hematom chàm phải hiện không còn dấu vết tổn thương -> Thương tích có đặc điểm của thương tích do vật tày cứng diện giới hạn tác động gây ra

Đau vùng ngực hiện không còn dấu vết tổn thương -> Không có cơ sở xác định vật gây thương tích

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là : 0%

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 30, 136, 106, 331, 333 và 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị M (Bà Ba) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình C 09 (chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Thị M và Bùi Thị D về Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Trả lại cho các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Các bị cáo được nhận số tiền này tại Chi

cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, vật chứng vụ án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2022 bị cáo Bùi Đình C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15/4/2022 bị hại Nguyễn Thị Ngọc S kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm do hình phạt đối với các bị cáo quá nhẹ và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, và việc tách trách nhiệm dân sự để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Bùi Thị M và Bùi Đình C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo Mai và bị cáo Cường đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Cường được hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho người bị hại và mong muốn được người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án và rút đơn kháng cáo.

- Bị hại Nguyễn Thị Ngọc S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trường hợp các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng thì bị hại sẽ rút yêu cầu khởi tố vụ án và rút đơn kháng cáo.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo C:

Khi quyết định hình phạt mong Hội đồng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có thành tích xuất sắc trong quân ngũ, chưa từng có hành vi phạm pháp luật nào tại địa phương, là lao động chính trong gia đình vợ thất nghiệp và đang phải nuôi hai con còn nhỏ. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chịu trách nhiệm với hành vi phạm tội của mình, đã xin lỗi bị hại, dù gia đình đã đưa ra con số 150.000.000 đồng bồi thường cho bị hại nhưng bị cáo đã cố gắng bồi thường thêm 50.000.000 đồng để xin bị hại rút đơn. Việc tự nguyện này thể hiện ý chí và sự chân thành của bị cáo đáng được ghi nhận tại điểm b Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”. Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn và vai trò của bị cáo C là không đáng kể, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/4/2022 xem xét cho bị cáo Cường được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm lần này tại phiên Tòa, Thẩm phán Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Kháng cáo của bị hại đã thực hiện quyền, phạm vi kháng cáo, thời hạn kháng cáo phúc thẩm theo quy định tại Điều 62, Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, kháng cáo của bị lại là hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Đình C và bị hại Nguyễn Thị Ngọc S thấy rằng: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là phù hợp, đúng pháp luật do bị cáo là người cầm hung khí là cái ghế tấn công bị hại do đó bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn so với bị cáo M và bị cáo D. Bị hại S kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó kháng cáo của bị cáo C và người bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cường, người bị hại Nguyễn Thị Ngọc S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Đình C và bị hại Nguyễn Thị Ngọc S được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt của bị cáo là do bất khả kháng (Bị cáo chuyển dạ sinh con). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị cáo D.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc S Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[3.1]. Về việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm

Bị hại Sương cho rằng ngoài bị cáo M, C, D còn khoảng 10-12 đối tượng khác tham gia đánh bị hại gây thương tích. Khi tiến hành xét xử phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành triệu tập những người làm chứng liên quan đến việc xô xát diễn ra tại khu vực Bến xe Thành Công, thị xã P ngày 09/02/2020. Tuy nhiên, những người làm chứng được triệu tập đều vắng mặt, riêng có anh Bùi Tấn Th có mặt nhưng anh Th cũng xác định rằng lúc đó rất hỗn loạn, tập trung đông người nên không xác định được ai đã đánh bị hại S. Theo những lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án cũng không ai nhìn rõ hay thấy những người khác có đánh bị hại S. Hơn nữa, trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tiến hành xác minh làm rõ nhưng vẫn không xác định được nhân thân lai lịch của những người này, không đủ cơ sở chứng minh để xác định những người này có tham gia gây thương tích cho bị hại hay không mà chỉ xác định được bị cáo M, D, C tham gia đánh bị hại gây thương tích. Do đó, kháng cáo của bị hại S là không có căn cứ chấp nhận

[3.2] Đối với kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D của bị hại Nguyễn Thị Ngọc S:

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại Nguyễn Thị Ngọc S đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại đã có từ trước về việc chơi hội nên ngày 09/02/2020, tại khu vực Bến xe Thành Công, thị xã P, các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C và Bùi Thị D đã có hành vi đánh bị hại S gây thương tích. Bị cáo M dùng tay đánh bị hại, bị cáo D sử dụng một ghế nhựa có tựa màu đỏ đánh bị hại nhưng không trúng, bị cáo C dùng ghế tựa có khung kim loại đánh bị hại, hậu quả là bị hại S bị tổn thương cơ thể là 3%.

Xét về hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra thấy rằng: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo M là người cao tuổi (đủ 60 tuổi); bị cáo D đang mang thai. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ đó quyết định xử phạt bị cáo Bùi Thị M (Bà Ba) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Bùi Đình C 09 (chín) tháng tù. Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là có căn cứ tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Do đó kháng cáo đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với các bị cáo của bị hại không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo về việc xem xét trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu bồi thường số tiền 553.183.084 (*năm trăm năm mươi ba triệu một trăm tám mươi ba ngàn không trăm tám tư*) đồng, tuy nhiên, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 200.000.000 đồng. Do các bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường thiệt hại. Mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm đã tách phần dân sự trong vụ án hình sự để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu và tại phiên tòa bị hại cũng không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác so với cấp sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bị hại về phần dân sự không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Đình C, thấy rằng:

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo C đã dùng một cái ghế tựa khung kim loại màu trắng, nệm ngồi da màu xanh, chiều cao 83cm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị S, theo cơ chế hình thành vết thương trên cơ thể bị hại Nguyễn Thị Ngọc S thì các tổn thương như gãy răng, vết trầy sạm da sau – dưới – ngoài vai phải có đặc điểm của tổn thương do vật tày cứng tác động gây ra, bị cáo C là người cầm hung khí nguy hiểm trực tiếp gây thương tích cho bị hại, là người giữ vai trò chính trong vụ án do đó bị cáo C phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo M và D. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do vậy, mức án mà tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác so với cấp sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo C là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo C không được chấp nhận nên bị cáo C phải chịu theo quy định của pháp luật, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Đình C, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc S; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2022/HS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị M (Bà Ba) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đình C 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Thị M và Bùi Thị D về Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tách trách nhiệm bồi thường thiệt hại ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Trả lại cho các bị cáo Bùi Thị M, Bùi Đình C, Bùi Thị D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai số 0003267 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Đình C phải nộp 200.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Ngọc S không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND thị xã P;(2)
- Cơ quan THAHSCA thị xã P
- Cơ quan THADS thị xã P
- Công an thị xã P;(1)
- Sở tư pháp;(1)
- Bị cáo;(2)
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Ninh